

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 754/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thị Nhon

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Khang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 1969/2020/TLST-HNGĐ, ngày 30/11/2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Văn N

Địa chỉ: xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M

Địa chỉ: Đường N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị M: Ông Nguyễn Minh N – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tất cả các đương sự có mặt tại phiên Tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Mai Văn N trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 ngày 25/5/1984 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn thường hay gây gổ, tranh cãi nhau. Ông bà tuy sống chung nhà nhưng đã ly thân 04 năm nay, không ai nói chuyện với ai. Bên cạnh đó vào năm 2019 ông có làm đơn xin ly hôn nhưng rút lại lý do là con gái út ông đang học lớp 12 nay con cũng đã trưởng thành và ông bà vẫn không đoàn tụ được mà cuộc sống chung càng trở nên căng thẳng hơn. Nay ông kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà M.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Mai Quang Đ, sinh ngày 03/9/1985; Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 12/12/1986; Mai Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 07/10/2002 (các con đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết).

Về tài sản chung: Ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà không đồng ý ly hôn vì nếu ly hôn ông N sẽ bán tài sản của ông bà.

Tại phiên tòa ông N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn vì đã không còn tình cảm với bà M, nay ông cũng đã quá già muốn có được cuộc sống tự do.

Bà M cho rằng không đồng ý ly hôn do bà đã chịu đựng rất nhiều đau khổ đối với cuộc hôn nhân với ông N. Bản thân bà biết ông N bỏ nhà đi theo người khác, rượu chè, cá độ, nhưng bà vẫn chấp nhận tha thứ ông N. Dù bà đã không còn tình cảm với ông N nhưng bà đã làm hết trách nhiệm của người phụ nữ, bà là người theo đạo nên không thể ly hôn và gia đình của bà không đồng ý để bà ly hôn. Nên với yêu cầu xin ly hôn của ông N bà không đồng ý.

Ông N cho rằng tình cảm đã hết trước đây khi ông bệnh nằm viện có một mình bà M là vợ nhưng chưa vào chăm sóc hay trả tiền viện phí cho ông, ông đã một lần nộp đơn ly hôn, ông biết tình cảm ông dành cho bà M không còn ông kiên quyết xin ly hôn.

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Cuộc hôn nhân của bà M có nhiều mâu thuẫn khó có thể hàn gắn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán theo đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 của Bộ luật

tổ tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tổ tụng về phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tổ tụng.

Nội dung: Căn cứ theo quy định tại các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Mai Văn N.

Về con chung: Có 03 con chung tên Mai Quang Đ, sinh ngày 03/9/1985; Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 12/12/1986; Mai Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 07/10/2002 (các con đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết).

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xét.

Về án phí ly hôn: Ông Mai Văn N phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tổ tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của ông N thì đây là vụ án về tranh chấp ly hôn. Theo hồ khẩu cũng như đã triệu tập được bà M tại địa chỉ số 125/32 đường N, Phường M, quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 25/5/1984 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cùng lời khai của ông N, bà M về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông N và bà M là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông N Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình kết hôn thời gian đầu cuộc sống của ông bà có hạnh phúc, sau đó thì giữa ông bà phát sinh rất nhiều mâu thuẫn không còn tiếng nói chung, ông N cho rằng khi ông bị bệnh một mình ông phải vào bệnh viện chỉ có các con đến thăm nom, chăm sóc còn riêng bà M lại không quan tâm, đến thăm hỏi đến ông. Ông cũng đã nhiều lần nói vắn đề ly hôn và trước đây năm 2019 ông đã nộp đơn tại Tòa án nhưng con con nhỏ nên ông rút đơn. Do mâu thuẫn quá lớn nên ông đã nhiều lần bỏ nhà đi về quê sống, sau đó quay lại, tình hình của ông bà cũng không tốt lên, mà ngày càng xấu đi, ông không chịu nổi tính tình của bà M. Tại phiên tòa bà M cho rằng bà không còn tình cảm với ông N nhưng thời gian qua bà cũng đã chịu đựng rất nhiều tổn thương do ông N mang đến, bà theo đạo và gia đình bà không đồng ý để bà ly hôn với ông N.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đó cũng là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Ông N và bà M không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông N có đơn yêu cầu ly hôn và bà Mai là có căn cứ để nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 03 con chung tên Mai Quang Đ, sinh ngày 03/9/1985; Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 12/12/1986; Mai Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 07/10/2002 (các con đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết) nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông N và bà M không có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn N được ly hôn với bà Nguyễn Thị M (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21 ngày 25/5/1984 tại Ủy ban nhân dân xã T, Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Có 03 con chung tên Mai Quang Đ, sinh ngày 03/9/1985; Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 12/12/1986; Mai Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 07/10/2002 (các con đều đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết) nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông N và bà M không có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng ông Mai Văn N phải chịu nhưng được miễn trừ vào án phí đã tạm ứng theo biên lai thu số AA/2019/0088817 ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N đã thi hành xong.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Tuyết Lạnh